TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 189/2017/HSST
Ngày: 26/12/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đăng Dũng
Bà Nguyễn Thị Mai
- *Thư ký phiên toà:* ông Hoàng Minh Anh – Thư ký Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 211/2017/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2017/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **TRẦN ĐÌNH H** (Tức H)- Sinh năm 1985. HKTT và nơi ở: Thôn Lỗ G, Xã Việt H, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Văn hóa: 6/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Phan Văn A và bà: Trần Thị H. Vợ: Hoàng Thị N, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013. TATS: Không. Bị cáo không phải là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam.Tạm giữ từ ngày 04/9/2017 đến ngày 13/9/2017, tạm giam từ ngày 13/9/2017. Danh, chỉ bản số 395 ngày 07/9/2017 của công an Huyện A. Có mặt.

2. Họ và tên: **NGUYỄN KIM T** (Tức T) - Sinh năm 1993. HKTT và nơi ở: Thôn Lỗ G, Xã Việt H, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Văn hóa: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Kim K và bà: Nguyễn Thị V. Vợ: Nguyễn Thị T, có 01 con sinh năm 2016. TATS: Không. Bị cáo không phải là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam.Tạm giữ từ ngày 04/9/2017 đến ngày 13/9/2017, tạm giam từ ngày 13/9/2017. Danh, chỉ bản số 392 ngày 07/9/2017 của công an Huyện A. Có mặt.

3. Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC H2** - Sinh năm 1992. HKTT và nơi ở: Thôn Lỗ G, Xã Việt H, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Văn hóa: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Đức T và bà: Nguyễn Thị H. Vợ: Đỗ Thị H, có 01 con sinh năm 2017. TATS: Không. Bị cáo không phải là đảng viên Đảng cộng sản Việt

Nam.Tạm giữ từ ngày 04/9/2017 đến ngày 13/9/2017, tạm giam từ ngày 13/9/2017. Danh, chỉ bản số 394 ngày 07/9/2017 của công an Huyện A. Có mặt.

4. Họ và tên: **TRẦN VĂN H3** - Sinh năm 1992. HKTT và nơi ở: Thôn Lỗ G, Xã Việt H, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Văn hóa: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Trần Văn P (Tức M) và bà: Nguyễn Thị H. TATS: Không. Bị cáo không phải là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam.Tạm giữ từ ngày 04/9/2017 đến ngày 13/9/2017, tạm giam từ ngày 13/9/2017. Danh, chỉ bản số 393 ngày 07/9/2017 của công an Huyện A. Có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Phạm Công V, sinh năm 1991. HKTT: Thôn 9, Xã Sơn H, Huyện Hương S, Tỉnh Hà Tĩnh. Tạm trú: Số nhà 65, Tổ 10, Thị trấn A, Huyện A, Hà Nội. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn Lỗ G, Xã Việt H, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn Lỗ G, Xã Việt H, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Trú tại: Thôn Lỗ G, Xã Việt H, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Trú tại: Thôn Lỗ G, Xã Việt H, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

5. Anh Trần Đình T, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn Lỗ G, Xã Việt H, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/9/2017 anh Phạm Công V (Sinh năm 1991; HKTT: Thôn 9, Sơn H, Hương S, Hà Tĩnh. Tạm trú: Tổ 10, thị trấn A) đến cơ quan điều tra Công an Huyện A trình báo bị một số đối tượng chiếm đoạt tài sản, anh đề nghị điều tra, xử lý các đối tượng theo quy định của pháp luật

Nhận được tin báo, cơ quan điều tra Công an Huyện A đã tiến hành điều tra làm rõ: Khoảng 22 giờ ngày 01/9/2017, Trần Đình H nhận được điện thoại của chị C (bạn của H, không xác định được nhân thân, lai lịch và số thuê bao liên lạc do H không nhớ và lưu số điện thoại) rủ đến nhà bà Trần Thị H (sinh năm 1962; trú tại: Đản M, Uy N, huyện A, Hà Nội) đánh bạc. H đồng ý và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số thuê bao 01645306999 liên lạc rủ Nguyễn Kim T. T đồng ý. H điều khiển xe đạp điện đón T đến nhà bà Hoa. Tại nhà bà H có anh Phạm Công V đang ngồi đánh bạc bằng hình thức đánh "Phỏm" cùng chị C và 02 nam giới (không xác định được tên tuổi, nhân thân). Các anh Lê Văn C (Sinh năm 1986; HKTT: Phú V, Tuy L, Hậu L, Thanh Hóa), Nguyễn Hữu N (Sinh năm 1986; HKTT: Trung O, Tiên D, huyện A, Hà Nội) ngồi xem đánh bạc. Chị H (không rõ nhân thân, lai lịch) ngồi uống nước tại bàn gần đó. H ngồi xem đánh bạc.

T cùng chị H và bà H ngồi uống nước. Khoảng 15 phút sau có một người đàn ông đeo kính (không xác định nhân thân, lai lịch) vào nhà bà H, Nam thay vị trí của V tham gia đánh bạc. Sau đó V khởi xướng chơi "Xóc đĩa" rồi vào bếp nhà bà H lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ để trên rổ bát, bà H lấy kéo và 02 quân bài chắn đưa cho C cắt quân để tổ chức đánh bạc bằng hình thức "Xóc đĩa". V cầm cái đánh "Xóc đĩa" cùng bà H, anh C, chị Hvà người đàn ông đeo kính. Sau đó C cầm cái thay V xóc đĩa. Khoảng 05 phút sau thì không đánh "Xóc đĩa" nữa, người đàn ông đeo kính cùng chị H đi về. V rủ H, C đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng". Thấy ít người tham gia đánh bạc nên H gọi T đánh bạc cùng. Do T không có tiền nên H cho T vay 1.000.000 đồng để đánh bạc. Trong quá trình đánh "Liêng", H bị thua bạc nên nghi ngờ anh Vđánh bạc "bịp", đồng thời đọc các lá bài anh V vừa chia xong, lật lên thì đúng. Anh V thừa nhận đánh bạc "bịp". H bắt anh V phải trả số tiền thua bạc là 4.500.000 đồng (tương ứng với số tiền H thua bạc), nếu không trả sẽ đánh, đồng thời bảo T gọi thêm H2. T lấy điện thoại ra định gọi thì anh V sợ quá nên xin Hướng. Tra ngoài cổng nhà bà Hoa gọi điện cho H2.

Anh V không đồng ý nhưng do bị H đe dọa nên phải buộc phải đưa tiền cho H và T. Anh V vay anh C 2.000.000 đồng, anh N 1.200.000 đồng và bỏ hết số tiền trong ví 1.200.000 đồng, tổng cộng được 4.400.000 đồng. H và T gọi bà H dậy và nói về việc V đánh bạc "bịp". Anh V thừa nhận việc đánh bạc "bịp" và nhờ bà H cầm số tiền 4.400.000 đồng đưa cho H và T. Bà H cầm 4.400.000 đồng của anh V đưa cho H. H cầm tiền rồi cùng T yêu cầu anh V lấy xe máy nhãn hiệu YAMAHA Exciter, BKS: 38H1-14265 ra ngoài nói chuyện. Do sợ bị đánh nên anh V có gọi anh C và anh N đi cùng. H điều khiển xe máy BKS: 38H1-14265 chở anh V, T đi xe đạp điện ra ngoài nhà bà Ha.

Ra khỏi nhà bà H, H nói với bị can T cùng các anh V, C, N đi về quán ăn đêm tại Dục N, Việt H, huyện A, Hà Nội ngồi nói chuyện. Trên đường đi, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 số thuê bao 0976159404 liên lạc với Nguyễn Đức H2 theo số thuê bao 0976738822 nói lại việc bị đánh bạc "bịp", đang trên đường đi về Việt H ăn đêm. H, T cùng các anh C, N và V ngồi uống nước tại quán ăn đêm thuộc Tổ 37, Thị trấn A của anh Trương Văn T. Lúc này H2 điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 29U2 -218 (H2 mượn xe của anh Hoàng Xuân T - sinh năm 1997; trú tại: Lỗ G, Việt H, huyện A, Hà Nội) chở Trần Văn H3 đến, dừng xe đi vào quán. H2 tiến tới tát một cái trúng mặt anh V làm anh V bị chảy máu mũi. Trần Đình H bắt anh V nộp phạt số tiền 20.000.000 đồng. Thấy sự việc đánh nhau, anh T đuổi cả nhóm ra ngoài. H, T, H, H đưa các anh V, N, C đến giữa trục đường bê tông thuộc cánh đồng thôn Lỗ G, xã Việt H, huyện A thì dừng lại. H2 tiếp tục đánh anh V, đồng thời bắt anh V, anh N, anh C ở lại. Trong quá trình đánh anh V, Nguyễn Đức H2 bị rơi hỏng chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1200 lắp thẻ sim số thuê bao 0976738822. H đe dọa bắt anh V phải đưa 20.000.000 đồng nếu không để lại hai ngón tay. Đồng thời H nói với Trần Văn H3 "Mấy thằng trẻ con có nhà không". H3 trả lời "Có bọn ôn con ở nhà, hay gọi bọn này lên đánh cho thằng này một trận" mục đích để gây sức ép, đe dọa buộc anh V

phải đưa tiền. Đến khoảng 05 giờ ngày 02/9/2017, H đưa tất cả đi ăn sáng ở quán ăn tại thôn Ấp T, xã Uy N, huyện A, rồi đưa các anh V, anh N, anh C về khu vực cổng Công ty cổ phần chế tạo biến thế thiết bị điện Đông A, địa chỉ xã Việt H, huyện A, Hà Nội. H bắt anh V viết giấy nợ 20.000.000 đồng. Do không có giấy nên H bảo T về nhà lấy bút và hai tờ giấy. T về nhà mình lấy giấy, bút mang ra đưa cho H rồi đi về nhà. H bắt anh V viết giấy nhận nợ 20.000.000 đồng và yêu cầu anh V về lấy giấy tờ của chiếc xe máy BKS: 38H1-14265. Anh V nói dối giấy tờ xe đã cắm, cần 2.500.000 đồng để chuộc, mục đích để khỏi bị ép cắm xe. H đưa cho anh V mượn 2.400.000 đồng và bảo Trần Văn H3 cho anh V mượn xe máy của H3, đồng thời bắt anh V viết giấy mượn xe. Trần Văn H3 biết mục đích của H ép anh V về lấy giấy tờ xe mang đi cầm cố để chiếm đoạt tài sản nhưng vẫn đưa xe máy cho anh V, giúp H thực hiện hành vi phạm tội. Anh V điều khiển xe máy Honda dream BKS: 29U2 - 218 về nhà trọ ở Tổ 10 thị trấn A, Huyện A, Hà Nội lấy giấy tờ xe. Các anh N, C đi về, H3 và H2 bắt taxi về nhà. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, H nhận được điện thoại của anh V nói đã lấy được giấy tờ xe nên rủ T đi cùng cầm cố xe máy BKS: 38H1-14265 của anh V lấy tiền. Anh V điều khiển xe Honda Dream BKS: 29U2 - 218, H điều khiển xe máy Exciter BKS: 38H1-14265 chở theo Tđến Công ty TNHH đầu tư phát triển dịch vụ Quang Anh (địa chỉ: Ấp T, Uy Nỗ, huyện A, Hà Nội) gặp chị Nguyễn Thị Vân A (Chủ hiệu cầm đồ) cầm cố chiếc xe máy Exciter, BKS: 38H1-14265 được 13.000.000 đồng. H cầm hết số tiền trên rồi bắt anh V ra quán nước của bà Khang Thị N gần đường tàu Dục N, Việt H. Tại quán nước của bà N, H trả lại anh V giấy nhận nợ 20.000.000 đồng đã viết lúc trước. Anh V cầm xé luôn tờ giấy vay nợ tại quán. Do anh V chưa đưa đủ 20.000.000 đồng cho H nên H yêu cầu anh V đưa đủ tiền. Anh V không có tiền nên xin H, H đồng ý lấy bút (của T đưa trước đó) và tờ giấy mượn xe máy do V viết lúc trước, bắt anh Vviết tiếp giấy vay nợ 5.000.000 đồng, hẹn 01 tháng phải trả. Sợ anh V không quay lại trả tiền H ép anh V đặt chiếc đồng hồ đeo tay làm tin, đồng thời H ép anh V viết thêm nội dung "em vay hai triệu đặt cái đồng hồ làm tin" lên cùng tờ giấy, mục đích ép anh V sau này phải đưa 5.000.000 đồng, H giữ tờ giấy này. Anh V tháo chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Tissot đưa cho H. H cùng T đưa anh V về gần khu vực Z153 Thị trấn A, huyện A, Hà Nội. Sau đó H cùng T đi về nhà H, quá trình di chuyển làm rơi chiếc bút T cho mượn. H mang tờ giấy anh V nhận nợ 5.000.000 đồng về cất ở nhà. Trần Đình H cầm 13.000.000 đồng chiếm đoạt được của anh V, đưa cho T 6.000.000 đồng và bảo T đưa cho H2 3.000.000 đồng. Lúc này H2 sang nhà H nên T đưa luôn cho H2 số tiền 3.000.000 đồng. H2 và T cầm tiền đi về nhà. Sau đó, H gọi anh T đến trả xe máy Honda Dream BKS: 29U2-218 và nhờ T đưa 1.000.000 đồng cho H3. Anh T cầm tiền, lấy xe máy đi về nhà, sau đó đưa 1.000.000 đồng cho H2. H2 cầm 1.000.000 đồng đưa cho H3 và nói tiền anh H gửi. H3 cầm tiền, sau đó nghĩ hành vi đã thực hiện là trái pháp luật nên đưa lại cho anh Trần Đình T (sinh năm 1989; HKTT: Lỗ G, Việt H, huyện A, Hà Nội – bạn H3) nhờ đưa lại cho H.

Đến khoảng 20 giờ ngày 03/9/2017, anh V đến Công ty TNHH đầu tư phát triển dịch vụ Quang A gặp chị Nguyễn Thị Vân A chuộc lại chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Exciter, BKS: 38H1-14265. Ngày 04/9/2017 anh V đến cơ quan điều tra trình báo sự việc.

Vật chứng tạm giữ:

- Của Trần Đình H: 01 (một) điện thoại OPPO vỏ màu đen, máy bị khóa mật khẩu nên không khôi phục được, không kiểm tra được dữ liệu trong máy.

- Của Nguyễn Kim T: 01 (một) ĐTDĐ Nokia 105, vỏ màu đen, số IMEIL: 355167066932912 có lắp sim số thuê bao 0976159404; 01 (một) xe máy Honda Vision, màu đỏ, BKS: 29S1-54143, số khung: RLHJF 5801EY452651; số máy: 5F58E0337973

- Của Nguyễn Đức H2: 01 (một) điện thoại đi động Nokia 1100, màu đen trắng, số seri: 356299013528524 lắp sim số thuê bao: 0976738822, 01 (một) xe máy dream, BKS: 29S1-54.389, số khung: 0374774, số máy: 0374774.

- Của Hoàng Xuân ài: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 29U2 - 218 Số khung: 06580; Số máy: 6580.

- Của anh Phạm Công V: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu đỏ đen, BKS: 38H1-14265; Số máy: 065806; Số khung: 065797.

- Ngày 04/9/2017, chị Hoàng Thị N (vợ H) tìm thấy chiếc đồng hồ, tờ giấy vay nợ 5.000.000 đồng của anh Vdo H cất giấu tại nhà, giao nộp cho cơ quan điều tra.

- Ngày 04/9/2017, anh Trần Đình T biết 1.000.000 đồng Trần Văn H3 nhờ đưa cho H có liên quan đến vụ án nên tự nguyện giao nộp cơ quan điều tra.

Ngày 31/10/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện A kết luận chiếc đồng hồ TISSOT của anh V bị chiếm đoạt trị giá 1.800.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu đỏ đen, BKS: 38H1-14265; Số máy: 065806; Số khung: 065797. Quá trình điều tra xác định người đứng tên trong đăng ký xe là anh Phạm Công V. Kết quả tra cứu chiếc xe máy BKS: 38H1-142.65 không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 23/10/2017, cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe máy BKS: 38H1-142.65 cho chủ sở hữu.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen, số thuê bao 01645306999; chiếc điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, số IMEIL: 355167066932912 có lắp sim số thuê bao 0976159404; chiếc điện thoại đi động Nokia 1100, màu đen trắng, số IMEIL: 356299013528524 lắp sim số thuê bao: 0976738822 là tải sản của H, T và H2 dùng để liên lạc với nhau khi thực hiện hành vi phạm tội, chuyển Tòa án xem xét xử lý.

Đối với chiếc xe máy Honda Vision, màu đỏ BKS: 29S1-54143, số khung: RLHJF 5801EY452651; số máy: 5F58E0337973 tạm giữ của T khi bắt giữ ngày 04/9/2017. Tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông xác định người đứng tên đăng ký là chị Nguyễn Thị T (sinh năm: 1994; trú tại: Lỗ G, Việt H, Đông Anh, Hà Nội- vợ bị can T). Tra cứu xe máy BKS: 29S1-54143 không có trong dữ liệu xe

máy vật chứng. Kết quả điều tra xác định, chiếc xe máy BKS: 29S1-54143 là tài sản của chị Ta, không liên quan đến vụ án, ngày 04/10/2017 cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị Nguyễn Thị T. Sau khi nhận xe chị T không đề nghị gì thêm về dân sự.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Dream, BKS: 29S1-543.89, số khung: 0374774, số máy: 0374774 tạm giữ của Nguyễn Đức H2 khi bắt giữ ngày 04/9/2017. Kết quả tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông xác định người đứng tên đăng ký là anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1990; HKTT: Tiên K, Tiên D, huyện A, Hà Nội). Anh T trình bày mua chiếc xe máy trên với giá 22.000.000 đồng năm 2016, đến ngày 18/8/2017 bán cho anh Nguyễn Đức H (sinh năm: 1996; trú tại: Lỗ G Việt H, huyện A, Hà Nội – em trai Nguyễn Đức H2). Tra cứu xe máy BKS: 29S1-543.89 không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. Kết quả điều tra xác định, chiếc xe máy BKS: 29S1-543.89 là tài sản của anh H, không liên quan đến vụ án. Ngày 04/10/2017, cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Nguyễn Đức H. Sau khi nhận xe anh H không đề nghị gì thêm về dân sự.

Đối với giấy vay tiền thể hiện người vay đề tên Phạm Công V do các bị cáo ép anh Vviết để trong hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc đồng hồ đeo tay nam, nhãn hiệu: TISSOT 1853 là tài sản hợp pháp của anh V. Ngày 15 /11/2017, cơ quan điều tra đã trả cho anh V.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 29U2 - 218; Số khung: 06580; Số máy: 6580. Kết quả tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông xác định người đăng ký là anh Lê Thanh V (HKTT: tập thể Đại học Ngoại T, Đống Đ, Hà Nội). Kết quả xác minh tại công an phường Láng T, quận Đống Đ, Hà Nội xác định: tại tập thể Đại học Ngoại T, Đống Đ, Hà Nội hiện không có con người nào là Lê Thanh V. Anh Hoàng Xuân T khai: Năm 2015, Tài mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 29U2 – 218 của một người đàn ông không quen biết tại Hưng Y với giá 10.000.000 đồng, xe có đăng ký nhưng anh T chỉ còn giữ lại bản phô tô, bản chính để thất lạc chưa tìm thấy, nội dung thông tin trên bản phô tô đăng ký trùng khớp với nội dung tra cứu. Kết quả tra cứu chiếc xe máy Honda Dream BKS: 29U2 - 218 không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. Kết quả điều tra xác định, ngày 01/9/2017, H2 mượn anh T chiếc xe máy BKS: 29U2 – 218 đi chơi, anh T không biết việc H2 sử dụng chiếc xe máy để thực hiện hành vi phạm tội. Do chưa làm việc được với người đứng tên đăng ký chiếc xe máy BKS: 29U2 -218 và anh T không xuất trình được giấy tờ mua bán, cơ quan điều tra tách rút tài liệu liên quan đến chiếc xe máy BKS: 29U2-218 xác minh, xử lý sau.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng tạm giữ của anh T là vật chứng vụ án, chuyển Tòa án xem xét, xử lý.

Đối với chiếc xe đạp điện màu đỏ đen Trần Đình H sử dụng chở T đến đánh bạc nhà bà H là tài sản của chị Hoàng Thị N (vợ H) mua để sử dụng chung cho gia đình, khi H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội chị N không biết nên cơ quan điều tra không thu giữ.

Đối với anh Hoàng Xuân T khi cho H2 mượn chiếc xe máy BKS: 29U2 - 218 không biết H2 mang xe đi thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Trần Đình T khi H3 nhờ chuyển 1.000.000 đồng cho H, anh T không biết là tiền do phạm tội mà có, H3 không cho biết về việc H3 cùng đồng phạm Cướp tài sản nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với việc anh Phạm Công V thừa nhận đánh bạc "bịp" với H, tự nguyện đưa cho bà Trần Thị H số tiền 4.400.000 đồng tương ứng với số tiền H thua bạc, nhờ trả cho H. Bà H cầm tiền của anh V đưa cho H, không được H3 lợi gì từ việc này, vì vậy hành vi của bà H không cấu thành tội Cướp tài sản, cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với hành vi đánh bạc của Trần Đình H, Nguyễn Kim T, anh Phạm Công V, anh Lê Văn C, anh Nguyễn Hữu N và bà Trần Thị H chỉ có lời khai nhận hành vi đánh bạc, không thu giữ được công cụ thực hiện hành vi đánh bạc, không xác định được số tiền từng người sử dụng trong lần đánh liêng, đánh xóc đĩa, đánh phỏm, do đó không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 15/11/2017, Công an Huyện A xử lý hành chính đối với Trần Đình H, Nguyễn Kim T, anh Phạm Công V, anh Lê Văn C, anh Nguyễn Hữu N và bà Trần Thị H về hành vi đánh bạc.

Đối với người phụ nữ tên C, H và ba người đàn ông lạ mặt tham gia đánh bạc tại nhà bà H, cơ quan điều tra tổ chức xác minh nhưng không làm rõ được nhân thân lai lịch.

Về dân sự: Ngày 13/11/2017, bà Trần Thị H (mẹ Trần Đình H), bà Nguyễn Thị H (mẹ Nguyễn Đức H2), chị Nguyễn Thị T (vợ Nguyễn Kim T), bà Nguyễn Thị H (mẹ Trần Văn H3) đã tự nguyện thỏa thuận, khắc phục hậu quả, bồi thường cho anh Phạm Công V tổng số tiền 15.000.000 đồng, anh V nhận tiền và không đề nghị gì thêm về dân sự, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại cáo trạng số 203/VKS-HS ngày 27 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội đã truy tố Trần Đình H, Nguyễn Kim T, Nguyễn Đức H2, Trần Văn H3 về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện A giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 (Điều 60 đối với bị cáo H3) Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Trần Đình H với mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.
- Nguyễn Đức H2 với mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.
- Nguyễn Kim T với mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.
- Trần Văn H3 36 tháng tù cho H3 án treo, thời hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về phần dân sự: Gia đình các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại. Anh Vị không còn yêu cầu gì nên không phải đặt ra để xem xét.

Về vật chứng: cần tịch thu sung công quỹ nhà nước 03 chiếc điện thoại di động các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và 1.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2}Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó xác định được: Đêm ngày 01/9/2017 và rạng sáng ngày 02/9/2017 tại thôn Đản M, Uy N , huyện A, Hà Nội và thôn Trung, xã Việt H, huyện A, Hà Nội, Trần Đình H, Nguyễn Kim T, Nguyễn Đức H2, Trần Văn H3 có hành vi dùng vũ lực (H2 dùng tay tát, đánh) tấn công để chiếm đoạt số tiền 24.400.000 đồng (Trong đó Trần Đình H và Nguyễn Kim T cùng chiếm đoạt 24.400.000 đồng. Nguyễn Đức H2 và Trần Văn H3 cùng giúp sức chiếm đoạt 20.000.000 đồng của anh Phạm Công V. Do đó, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Kim T, Nguyễn Đức H2, Trần Văn H3 đã phạm tội "Cướp tài sản ". Tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự. Điều khoản này quy định hình phạt tù từ 03đến 10 năm.

Đánh giá vai trò của từng bị cáo như sau:

- Trần Đình H: mâu thuẫn xuất phát từ việc H, T đánh bạc với anh V. Trần Đình H trực tiếp đe dọa, yêu cầu người bị hại trả lại số tiền thua bạc 4.400.000 đồng và phạt người bị hại bằng hình thức viết giấy nhận nợ 20.000.000 đồng. H là người bảo T gọi các bị cáo khác đến, là người ép anh Vị đi cầm cố xe máy để lấy tiền giao nộp cho các bị cáo. H là người chia tiền chiếm đoạt được cho các bị cáo khác, bản thân bị cáo H3 lợi 3.500.000 đồng. Chính vì vậy Trần Đình H có vai trò cao nhất.

- Nguyễn Kim T: thực hiện hành vi từ đầu đến cuối cùng bị cáo Hướng, là người gọi điện cho Nguyễn Đức H2 đến, là người về nhà lấy giấy, bút để ép người bị hại viết nhận nợ 20.000.000 đồng, được H chia cho 3.000.000 đồng. Vì vậy bị cáo T có vai trò thấp hơn Hướng, nhưng cao hơn các bị cáo khác.

- Nguyễn Đức H2: được T gọi điện đến quán ăn đêm, là người trực tiếp tát anh V nhiều lần, ép anh V phải đưa tiền. H2 được H chia cho 3.000.000 đồng. Vai trò của H2 thấp hơn H, T nhưng cao hơn H3.

- Trần Văn H3: đi cùng H2 đến quán ăn đêm. Trần Văn H3 chứng kiến việc H2 đánh anh V để Trần Đình H ép viết giấy nhận nợ 20.000.000 đồng nhưng không phản đối gì và có lời nói giúp sức cho H đe dọa anh V. Hôm sau khi xảy ra sự việc, H3 được H gửi cho 1.000.000 đồng nhưng sau đó tự nguyện trả lại ngay cho H. Trần Văn H3 có vai trò đồng phạm đơn giản.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì chẳng những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự xã hội mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn Huyện A. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do tham lam tư lợi và coi thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Các bị cáo phạm vào tội rất nghiêm trọng, do vậy cần xử lý các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Kim T ngày 29/7/2010 đã bị Tòa án nhân dân Huyện A xử phạt 20 tháng tù cho H3 án treo, thời hạn thử thách 30 tháng 06 ngày về tội Cướp tài sản. Bị cáo Nguyễn Đức H2 ngày 29/7/2010 đã bị Tòa án nhân dân Huyện A xử phạt 24 tháng tù cho H2 án treo, thời hạn thử thách 38 tháng 06 ngày về tội Cướp tài sản. Mặc dù bản án của các bị cáo đã được xóa, nhưng thể hiện thái độ không chịu tu dưỡng của các bị cáo Nguyễn Kim T và Nguyễn Đức H2.

Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đã tích cực tác động gia đình bồi thường đủ cho người bị hại. Bị cáo Trần Văn H3 ra tự thú trước khi cơ quan điều tra khởi tố vụ án; ông nội bị cáo H3 và ông nội bị cáo T được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba vì có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; tại cơ quan điều tra người bị hại có lời khai xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đó là những tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Trần Văn H3 có vai trò đồng phạm đơn giản, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên chiếu cố cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

{3} Về phần bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh V tổng số tiền 15.000.000 đồng. Anh V có lời khai không còn yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự nên không phải đặt ra để giải quyết.

*{4} Về vật chứng:*Đối với 03 chiếc điện thoại di động thu của các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 1.000.000 đồng bị cáo H3 nhờ anh T nộp lại cho cơ quan điều tra là tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung công.

{5} Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật sung công quỹ nhà nước.

{6} Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trần Đình H (Tức H), Nguyễn Kim T (tức T), Nguyễn Đức H2, Trần Văn H3 phạm tội "Cướp tài sản".

* Căn cứ khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt: *Trần Đình H 04 (Bốn) năm* tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2017.

* Căn cứ khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt*: Nguyễn Kim T 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng* tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2017.

* Căn cứ khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt*: Nguyễn Đức H2 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng* tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2017.

* Căn cứ khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt: *Trần Văn H3 36 (Ba mươi sáu) tháng* tù cho H3 án treo. Thời hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng Hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Trần Văn H3 nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao Trần Văn H3 cho Ủy ban nhân dân xã Việt H, Huyện A, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án.

Trường hợp người được H3 án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi Huyện A, thành phố Hà Nội thì Ủy ban nhân dân xã Việt H có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Huyện A để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được H3 án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được H3 án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi Huyện A, thành phố Hà Nội thì cơ quan thi hành án hình sự Huyện A có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện nơi người được H3 án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự năm 2010 và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

* Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự; các Điều 76, 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tịch thu sung công nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tại giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 25/12/2017 của Kho bạc nhà nước Đông Anh.

- Tịch thu sung công nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1100 màu đen trắng, nắp vỏ màn hình không có, lắp thẻ sim số thuê bao 0976735522, số seri: 356299013528524; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen có số Imel: 355167066932912, lắp sim số thuê bao: 0976159404 và 01 điện thoại di động hãng OPPO màu đen máy đã bị khóa mật khẩu.

(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2017 giữa Công an Huyện A và Chi cục thi hành án dân sự Huyện A).

+ Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Án xử công khai, sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần bồi thường dân sự có liên quan**.**

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Vân

<u>Nơi nhận:</u>
- *VKSND Huyện A.*
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Công an Huyện A.*
- *Lưu hồ sơ.*